

TỪ CƠ CẤU XÃ HỘI ĐẾN CẤU TRÚC XÃ HỘI

(Qua phân tích các bài viết trên *Tạp chí Xã hội học* từ năm 1983 đến năm 2009)

LÊ NGỌC HÙNG*
TRẦN MINH CHIẾN**

Đặt vấn đề

“*Social structure*” là một khái niệm cơ bản và quan trọng đến mức hầu như tất cả các sách giáo khoa về xã hội học (XHH) trên thế giới đều có chương, mục bàn về nó. Ở Việt Nam, khái niệm này được dịch là “Cơ cấu xã hội”¹ (CCXH) và xuất hiện lần đầu tiên trong tên một bài viết trên *Tạp chí Xã hội học* (TCXHH) số 3 năm 1986, rồi được dịch là “Cấu trúc xã hội”² và xuất hiện gần đây nhất trong một bài viết trên *Tạp chí* này trong số 2 năm 2009.

Vấn đề nghiên cứu đặt ra ở đây không đơn giản là ở tên gọi mà là nội hàm khái niệm này. Câu hỏi nghiên cứu là: khái niệm CCXH đã xuất hiện, biến đổi và phát triển như thế nào trong hơn 25 năm qua, kể từ khi Viện Xã hội học chính thức ra đời ở Việt Nam năm 1983. Câu trả lời rõ nhất có thể tìm thấy qua phân tích các bài viết trên TCXHH của Viện Xã hội học, từ lần đầu tiên ra mắt bạn đọc bản số 1 (1983) đến bản số 3 (2009). Trong thời gian đó, tổng cộng đã có 106 số tạp chí được phát hành và đã có 1632 bài viết được đăng lên (*không tính thông tin, tin tức xã hội học và chuyên mục các hoạt động xã hội học*).

Tên một bài viết thường biểu hiện rõ nhất, tập trung nhất và cô đọng nhất quan niệm, nội dung của bài. Do đó, bất kỳ bài viết nào có cụm từ “cơ cấu xã hội” hoặc “cấu trúc xã hội” trong tên bài thì đều được chọn để phân tích. Kết quả là chọn được một mẫu gồm 43 bài viết, trong đó bài xuất hiện sớm nhất vào năm 1986 và bài mới nhất là năm 2009. Về phương pháp phân tích, mỗi bài viết được phân tích nội dung để làm rõ khái niệm CCXH về mặt lý luận, phương pháp luận và những phát hiện được nêu trong bài. Để làm rõ sự hình thành và phát triển một khái niệm

* PGS.TS. Học viện Chính trị – Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

** ThS. Học viện Chính trị – Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

¹ G. Winkler (Bùi Thế Cường dịch) (1986), *Cơ cấu xã hội và kinh tế ở Thủ đô Béc-lin*. *Tạp chí Xã hội học*. Số 3, tr. 64-69.

² Lê Ngọc Hùng (2009), *Động thái của cấu trúc xã hội và thuyết cấu trúc hoá của Athony Giddens*. *Tạp chí Xã hội học*. Số 2, tr. 82-90.

khoa học cần áp dụng phương pháp tiếp cận lịch sử, cụ thể là các bài được phân tích theo chiều thời gian của từng giai đoạn và từng năm. Trong XHH ở Việt Nam, có lẽ khái niệm CCXH là một khái niệm lịch sử, do vậy, theo cách tiếp cận của Max Weber³, nội dung khái niệm CCXH sẽ dần dần được làm sáng tỏ như nó đã xuất hiện và biến đổi trong suốt một quá trình hơn 25 năm qua của chặng đường khởi đầu cho sự phát triển XHH Việt Nam.

Nếu cần một nhận định làm xuất phát điểm nghiên cứu thì có thể nói rằng: khái niệm CCXH được du nhập vào Việt Nam và lúc đầu được hiểu một cách giản đơn, máy móc (theo nghĩa hẹp) là cơ cấu xã hội giai cấp, dần dần mới hình thành quan niệm XHH về CCXH như là một kiểu quan hệ phân hoá, phân tầng phức tạp, nhiều chiều cạnh của mối quan hệ giữa con người và xã hội, biểu hiện ra là một hệ thống các mối liên hệ, quan hệ tương đối bền vững của những yếu tố cấu thành nên hệ thống xã hội nhất định.

1. Cơ cấu xã hội: Đối tượng và nhiệm vụ mới của Xã hội học ở Việt Nam năm 1986

Sự du nhập khái niệm?

Có thể coi bài “Cơ cấu xã hội và kinh tế ở thủ đô Béc-lin” đăng trên số 3 Tạp chí Xã hội học năm 1986, là bài viết có công đầu trong việc nhập khẩu một cách chính thức khái niệm CCXH vào Việt Nam qua con đường tạp chí khoa học. Bài viết là một phần của báo cáo tổng kết hội nghị về “Lối sống ở Béc-lin, thủ đô Cộng hoà dân chủ Đức” được tổ chức vào cuối tháng 5 năm 1986 tại Béc-lin, do giáo sư G. Winkler trình bày. Trong bài này, khái niệm “Cơ cấu xã hội” được hiểu là “cơ cấu giai cấp và tầng lớp, cơ cấu học vấn và đào tạo nghề nghiệp, phần nào cả cơ cấu dân số, là biểu hiện của cơ cấu các chức năng và hoạt động của lao động”⁴ và bị quy định bởi chức năng chính trị và kinh tế, bởi những hình thức của nền sản xuất vật chất và tinh thần. CCXH của thành phố Béc-lin, thủ đô Cộng hoà dân chủ Đức đặc trưng bởi tỉ trọng giai cấp công nhân, mức độ tập trung cao công nhân công nghiệp, tỉ trọng cao giới trí thức và tỉ trọng cao những người làm trong lĩnh vực quản lý và hành chính⁵. Cơ cấu xã hội gắn liền với cơ cấu phân công lao động theo nghề nghiệp của một xã hội hiện đại với sự nổi trội của công nghiệp, trí thức, quản lý và hành chính.

Ngay sau số 3, tạp chí XHH đăng tiếp hai bài về CCXH của hai tác giả người Liên Xô là V.N. Ivanov và F.S.Fajzullin. Cụ thể là bài “Cơ cấu xã hội của thành phố xã hội chủ nghĩa” của F.S.Fajzullin và bài “Các vấn đề cấp thiết của việc nghiên cứu xã hội học về cơ cấu xã hội của xã hội Xô Viết”. Tương tự như quan niệm của nhà XHH Cộng hoà dân chủ Đức là Winkler, cả hai nhà xã

³ Max Weber (2008), *Nền đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản*. Nxb. Tri thức. Hà Nội, tr. 88.

⁴ G. Winkler (Bùi Thế Cường dịch) (1986), *Cơ cấu xã hội và kinh tế ở Thủ đô Béc-lin*, Tạp chí *Xã hội học*. Số 3, tr. 64. GS,TS. Winkler là Viện trưởng Viện Xã hội học và chính sách xã hội, Viện hàn lâm khoa học Cộng hoà dân chủ Đức.

⁵ G.Winkler (Bùi Thế Cường dịch). *Sđd*, tr. 65.

hội học Liên Xô đều coi CCXH với cốt lõi là cơ cấu giai cấp là sản phẩm của sự phân công lao động đang biến đổi nhanh chóng dưới tác động của sự phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa và khoa học-kỹ thuật. Nhưng khác với Winkler, hai nhà xã hội học Ivanov và Fajzullin nêu rõ quan niệm của “giới xã hội học Mác-Lênin” về một số đặc điểm cơ bản của CCXH của thành phố Xô-Việt. *Thứ nhất*, là sự phân hoá thành các nhóm xã hội trong nội bộ giai cấp công nhân, trí thức và viên chức. Ví dụ, theo Fajzullin, trong giai cấp công nhân có nhóm công nhân không có trình độ chuyên môn, nhóm công nhân trình độ thấp, nhóm công nhân trình độ cao và nhóm công nhân – trí thức⁶. *Thứ hai*, là xu hướng biến đổi CCXH theo hướng đồng nhất xã hội, với đặc trưng là sự xích lại gần nhau và sự xoá dần các khác biệt giữa các giai cấp, tầng lớp và các nhóm xã hội. *Thứ ba*, là sự di động xã hội được hiểu là sự di chuyển của những người lao động từ một giai cấp, một nhóm xã hội này sang một giai cấp, một nhóm xã hội hay một tầng lớp khác. Sự di động xã hội diễn ra theo “chiều dọc” và “chiều ngang”, di động xã hội giữa các thể hệ và trong nội bộ thể hệ, và giữa các thành thị và từ nông thôn ra thành thị. Trong các nguyên nhân của di động xã hội và biến đổi CCXH lúc bấy giờ ở các thành phố Xô-Việt, Fajzullin nhấn mạnh nguyên nhân khách quan là sự tiến bộ khoa học - kỹ thuật và đô thị hoá. Sự di động xã hội cùng với sự biến đổi của CCXH theo hướng xích lại gần nhau, ví dụ, của công nhân nông nghiệp với công nhân công nghiệp, của công nhân trí thức với trí thức được “giới xã hội học Mác-Lênin” mà đại diện tiêu biểu nhất là giáo sư Ivanov coi là “một bộ phận cấu thành quan trọng của quá trình hình thành cơ cấu xã hội phi giai cấp trong khuôn khổ lịch sử của chủ nghĩa xã hội phát triển”⁷. Không cần phải đợi đến bây giờ mà ngay sau đó vài năm, những sự kiện chính trị-kinh tế diễn ra ở Liên Xô đã cho thấy dự báo này được đưa ra quá sớm, mặc dù khái niệm “cơ cấu xã hội phi giai cấp” là một đóng góp quan trọng của giới xã hội học Mác xít.

Như vậy, với việc xuất hiện liên tiếp 3 bài viết đầu tiên của các tác giả người Đức và Liên Xô trên tạp chí XHH số 3 và 4 năm 1986, có thể nhận xét: quan niệm về “cơ cấu xã hội” (với *mặt tĩnh gồm các thành phần chủ yếu là giai cấp công nhân, tầng lớp trí thức và viên chức và mặt động gồm sự di động xã hội và biến đổi xã hội*) đã được du nhập thẳng từ xã hội công nghiệp hiện đại của Cộng hoà dân chủ Đức và Liên Xô vào Việt Nam từ năm 1986 – năm khởi xướng công cuộc đổi mới toàn diện đời sống kinh tế-xã hội ở nước ta.

Kế thừa, sáng tạo và đặt vấn đề nghiên cứu

Sáu bài về CCXH của các tác giả Việt Nam đăng trên tạp chí XHH số 4 năm 1986 không thấy trích dẫn một lần nào ba bài viết nêu trên. Nhưng chỉ riêng việc bài *Xã luận “Nghiên cứu về cơ cấu xã hội và chính sách xã hội là nhiệm*

⁶ F.S. Fajzullin (1986), *Cơ cấu xã hội của thành phố xã hội chủ nghĩa*. Tạp chí *Xã hội học*. Số 4, tr. 84-85.

⁷ V.N. Ivanov (1986), *Các vấn đề cấp thiết của việc nghiên cứu xã hội học về cơ cấu xã hội xô-viết*. Tạp chí *Xã hội học*. Số 4, tr. 68.

vụ hàng đầu của xã hội học”⁸ cũng đủ để thấy rõ mối liên hệ nếu không muốn nói là ảnh hưởng của XHH của Cộng hoà dân chủ Đức và cả XHH Liên Xô đối với quan niệm của các tác giả Việt Nam về CCXH lúc bấy giờ. Ví dụ, mặc dù không nhắc đến tên nhà XXH người Đức là Winkler, nhưng tên Viện Xã hội học và chính sách xã hội ở Cộng hoà dân chủ Đức do nhà khoa học này làm Viện trưởng đã được nhắc ngay trong trang đầu của bài Xã luận.

Quan niệm về CCXH của các tác giả Việt Nam nêu ra năm 1986 có một số đặc trưng cơ bản sau đây: *Thứ nhất*, việc coi CCXH là “đối tượng nghiên cứu của xã hội học”, là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của xã hội học. *Thứ hai*, đều nhấn mạnh vị trí và vai trò quyết định của CCXH giai cấp, gọi ngắn gọn là cơ cấu giai cấp. *Thứ ba*, luôn phê phán XHH tư sản nói chung và quan niệm của một số nhà nghiên cứu phương Tây nói riêng về cơ cấu phân tầng xã hội. Cần nói thêm rằng đây là sự “sáng tạo” của một số tác giả Việt Nam mà không tìm thấy ở cả ba bài của tác giả người Đức và Liên Xô nói trên. *Thứ tư*, quan niệm về CCXH chủ yếu mang tính chất đặt vấn đề cho điều tra, khảo sát chứ chưa trực tiếp dựa vào các bằng chứng nghiên cứu thực nghiệm. Có lẽ tập trung vào việc đặt vấn đề nghiên cứu, nên cả sáu bài viết của các tác giả Việt Nam trên tạp chí XHH số 4 năm 1986 rất hiếm khi nêu các bằng chứng thực nghiệm, số liệu khảo sát và trích dẫn nguồn dữ liệu cụ thể.

Dường như để hưởng ứng bài Xã luận, bài tiếp ngay sau nó chủ yếu phác hoạ bộ khung khái niệm nghiên cứu về sự biến đổi của CCXH với nội dung cốt lõi của nó là CCXH-giai cấp và CCXH-nghề nghiệp trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ ở Việt Nam⁹. Dựa vào nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, một định nghĩa sơ bộ đầu tiên của tác giả Việt Nam đã được nêu ra như sau: “Cơ cấu xã hội là tổng thể những bộ phận, những thành tố tạo nên một xã hội nhất định”. Định nghĩa này không coi các quan hệ xã hội là thành phần của CCXH, mà coi chúng là hình thức vận động của CCXH, còn CCXH là “nội dung có tính chất bản thể luận, là cơ sở cho sự tồn tại và phát triển của các quan hệ xã hội”¹⁰. Là một bộ phận cơ bản của CCXH, giai cấp công nhân cũng có CCXH của nó, bao gồm bốn thành phần công nhân xuất thân khác nhau về đặc điểm, tính chất lao động công nghiệp. Tương tự, CCXH của giai cấp nông dân biến đổi theo hướng mở rộng, bao gồm nhiều thành phần khác nhau về nghề nghiệp như nông dân trồng trọt, chăn nuôi. Tầng lớp trí thức cũng có CCXH, bao gồm các nhóm trí thức xuất thân từ gia đình công nhân, nông dân, trí thức với các trình độ và điều kiện lao động trí óc khác nhau. Vấn đề “phân hoá giàu nghèo” đã được nêu chính thức trong bài viết này. Quan niệm xã hội học mác xít về CCXH được khẳng định là phù hợp nhất vì nó xuất phát từ sự

⁸ Ban Biên tập (1986), *Xã luận: Nghiên cứu về cơ cấu xã hội và chính sách xã hội là nhiệm vụ hàng đầu của xã hội học*. Tạp chí Xã hội học. Số 4, tr. 3-6.

⁹ Vũ Khiêu (1986), *Chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ và những biến đổi thường xuyên của cơ cấu xã hội*. Tạp chí Xã hội học. Số 4, tr. 7-15, 40.

¹⁰ Vũ Khiêu (1986), *Chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ và những biến đổi thường xuyên của cơ cấu xã hội*. Tạp chí Xã hội học. Số 4, tr. 10.

vận động của bản thân hình thái kinh tế-xã hội để xem xét sự biến đổi CCXH và phát hiện ra vai trò quyết định của CCXH giai cấp trong mối quan hệ với các CCXH khác như CCXH của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức, tầng lớp thanh niên, phụ nữ, người già, trẻ em, những tộc người, vùng lãnh thổ, tôn giáo, và cả CCXH của gia đình, dòng họ. CCXH của giới trí thức Việt Nam năm 1986 được đề xuất nghiên cứu ở cơ cấu về thành phần xuất thân, ngành nghề, điều kiện làm việc và điều kiện sinh hoạt¹¹.

Như để cụ thể hoá khung khái niệm vừa nêu, CCXH của giai cấp công nhân Việt Nam được đặt vấn đề là phải nghiên cứu ở mặt tĩnh, gồm cơ cấu nhân khẩu-xã hội, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trình độ chuyên môn, cơ cấu thành phần xuất thân và mặt động của nó, gồm “tính cơ động xã hội” ở giai cấp công nhân theo chiều ngang, chiều dọc và giữa các thể hệ công nhân¹².

Tạp chí số 4 năm 1986 đăng liền ba bài về CCXH của giới trí thức, trong đó một bài có tính chất tham khảo kinh nghiệm ở các nước XHCN và hai bài về trí thức Việt Nam xưa và nay. Từ việc nghiên cứu CCXH của giới trí thức ở các nước XHCN, có lẽ các nhà XHH Việt Nam lúc bấy giờ tiếp thu được hai bài học quan trọng¹³: Một là, nắm chắc học thuyết Mác-Lênin về trí thức với tư cách là người lao động trí óc với trình độ chuyên môn cao và phê phán các học thuyết tư sản vì hay coi thường bản chất xã hội thực tế của tầng lớp trí thức. Hai là, cách đặt vấn đề nghiên cứu thực nghiệm: cần phải điều tra để nắm bắt các chỉ báo cho biết vị trí, vai trò và sự biến đổi CCXH nghề nghiệp của trí thức trong đời sống xã hội. Bài viết về CCXH của giới trí thức Việt Nam thời nay, tức là những năm 1980 mới chỉ nêu ra được một bằng chứng định lượng duy nhất là “hơn 50% giới trí thức Việt Nam đang nằm trong khối khoa giáo”¹⁴. Bài viết về CCXH của giới trí thức Việt Nam thời xưa cũng không nêu bằng chứng định lượng, nhưng đã phân tích định tính một số dữ liệu quan trọng về vị thế hàng đầu của giới trí thức trong đời sống tinh thần của xã hội Việt Nam thời xưa và về những cơ cấu theo nguồn gốc xuất thân, trình độ học vấn và đặc biệt là về vai trò xã hội của trí thức mà theo Max Weber có thể gọi là “thiên hướng nghề nghiệp”. Ví dụ, xét theo vị trí và vai trò, CCXH của giới trí thức thời xưa gồm ba nhóm chính: một là, những người hiền tài ra sức giúp dân cứu nước “họ như những con chim hồng hộc bay bổng trên mây xanh”; hai là, những người đức rộng tài cao, nhưng không làm gì được phải lánh đi như “những con hạc đen đi ẩn bên sườn núi” và ba là, những trí thức chỉ biết xu nịnh bề trên để có cuộc sống vinh thân phì gia như “những con chim hoàng yến quanh quẩn kiếm ăn ở cửa nhà quyền quý”¹⁵.

¹¹ Vũ Khiêu (1986), *Cơ cấu xã hội và sứ mệnh lịch sử của người trí thức Việt Nam hiện nay*. Tạp chí *Xã hội học*. Số 4, tr. 30-35.

¹² Nguyễn Vũ (1986), *Mấy vấn đề nghiên cứu cơ cấu xã hội giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay*. Tạp chí *Xã hội học*. Số 4, tr. 16-20.

¹³ Lê Phụng (1986), *Vấn đề tìm hiểu cơ cấu xã hội của giới trí thức ở các nước xã hội chủ nghĩa*. Tạp chí *Xã hội học*. Số 4, tr. 106-108.

¹⁴ Vũ Khiêu (1986), *Cơ cấu xã hội và sứ mệnh lịch sử của người trí thức Việt Nam hiện nay*. Tạp chí *Xã hội học*. Số 4, tr. 35.

¹⁵ Cách gọi tên ba loại trí thức thời xưa của Cao Bá Quát. Trích theo Vũ Khiêu (1986), *Cơ cấu xã hội của giới trí thức Việt Nam thời xưa*. Tạp chí *Xã hội học*. Số 4, tr. 105.

Như vậy, về cơ bản, các bài viết về CCXH trong năm 1986 đều dừng lại ở chỗ đặt ra những vấn đề để điều tra, khảo sát, chứ chưa trình bày và phân tích kết quả nghiên cứu thực nghiệm sau này trở nên phổ biến trên tạp chí XHH. Ngay cả bài tóm lược những kết quả nghiên cứu bước đầu về tình hình CCXH ở những thành phần cơ bản và tại những vùng lãnh thổ tiêu biểu do Viện XHH tiến hành trong những năm đầu 1980 cũng chủ yếu giới thiệu những vấn đề nghiên cứu, chứ không phân tích số liệu điều tra¹⁶.

Quan niệm đầu tiên của tác giả Việt Nam về CCXH là quan niệm XHH mác xít xuất phát từ những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lênin. Trái ngược với XHH tư sản, quan niệm này khẳng định vai trò có tính chất quyết định của CCXH giai cấp trong toàn bộ CCXH và phê phán quan niệm XHH tư sản ở chỗ họ đã bỏ qua vai trò của yếu tố giai cấp¹⁷ và thường dùng một thước đo chung để phân tích tầng lớp xã hội. Quan niệm này đã chỉ ra những thành phần cơ bản của CCXH giai cấp ở Việt Nam là giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức, đồng thời cũng phát hiện ra CCXH của từng thành phần này cũng như sự biến đổi của các hình thức CCXH rất phức tạp đó. Điều này có nghĩa là ý tưởng về “CCXH của toàn bộ CCXH”, CCXH ở phương diện vĩ mô, CCXH của thành phần CCXH, và “phân hoá giàu nghèo” đã được đặt thành những vấn đề của nghiên cứu XHH, nhưng vẫn chưa xuất hiện những khái niệm như “các cấp độ của CCXH”, “phân tầng xã hội”, “cơ cấu giai tầng xã hội”. Cho đến năm 1986, khái niệm “Cơ cấu phân tầng xã hội”, “Cơ cấu giai tầng xã hội” không những chưa được tiếp nhận, mà còn bị phê phán là khái niệm của XHH tư sản. Nội hàm khái niệm CCXH chủ yếu được xem xét ở mặt tĩnh, bao gồm các thành phần, ví dụ như các giai cấp, tầng lớp xã hội, nhưng thiếu mặt động là các quan hệ xã hội giữa các thành phần đó.

2. Cơ cấu xã hội: từ lý luận đến khảo sát giai đoạn 1987-1990

Từ việc coi CCXH là đối tượng và nhiệm vụ cơ bản của nghiên cứu XHH Việt Nam, Viện Xã hội học đã đặt mục tiêu của chương trình nghiên cứu ba năm (1987-1990) là tìm hiểu CCXH, trước hết là CCXH giai cấp, nghề nghiệp, nhân khẩu học trong mối tương tác với chính sách xã hội¹⁸. Một kết quả của chương trình này là 15 bài về CCXH, trong đó chỉ có 3 bài của tác giả nước ngoài và 12 bài của tác giả Việt Nam đã được đăng trên *Tạp chí* trong thời gian này.

Riêng năm 1987 có 4 bài, trong đó một bài lần đầu tiên giới thiệu lý luận và phương pháp luận nghiên cứu xã hội học của Bungari về CCXH. Nhờ vậy, giới XHH non trẻ của Việt Nam làm quen với một số nhà XHH tiêu biểu của Bungari như Todor Pavlov, V. Dobrijanov và tiếp nhận được một số tri thức lý

¹⁶ Ban Biên tập (1986), *Xã hội học và nhiệm vụ nghiên cứu cơ cấu xã hội*. Tạp chí Xã hội học. Số 4, tr. 112-113, 115.

¹⁷ Vũ Khiêu (1986), *Chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ và những biến đổi thường xuyên của cơ cấu xã hội*. Tạp chí Xã hội học. Số 4, tr. 10-11.

¹⁸ Tương Lai (1989), *Những vấn đề của cơ cấu xã hội và chính sách xã hội ở nông thôn Bắc Bộ*. Tạp chí Xã hội học. Số 1, tr. 11.

luận cần thiết và quan trọng để có thể triển khai điều tra, khảo sát về CCXH. Theo quan niệm của các nhà XHH Bungari, CCXH của xã hội là hệ thống các mối tương tác giữa các thành phần cơ bản nhất, quy định bản chất và đặc điểm của một xã hội cụ thể. Năm thành phần cơ bản đó là: hoạt động sản xuất ra của cải vật chất, hoạt động tái sản xuất, hoạt động sản xuất của cải tinh thần, hoạt động quản lý và hoạt động giao tiếp¹⁹. Xuất phát từ mô hình lý thuyết nêu trên, các nhà XHH Bungari đã tiến hành nhiều cuộc điều tra quy mô lớn về CCXH ở thành thị-nông thôn. Các kết quả điều tra cho thấy, sự lớn mạnh của giai cấp công nhân và sự xích lại gần nhau giữa nông thôn và thành thị, tương tự như phát hiện của XHH Đức và Liên Xô trong cùng thời gian này. Tuy nhiên, bài học quan trọng nhất đối với XHH Việt Nam lúc bấy giờ có lẽ là ở quan niệm về vai trò của “mô hình lý thuyết”, “mô hình khái niệm” đối với điều tra, khảo sát mà thiếu nó nhà XHH sẽ chẳng khác gì “những người mù sờ voi”. Sẽ không phải là phóng đại khi nói rằng, xuất phát từ đây mà các nhà điều tra XHH sau này của Việt Nam thường có một bộ phận cấu thành không thể thiếu gọi là “khung lý thuyết”, “khung khái niệm”.

Trong cùng năm 1987, giới XHH Việt Nam có cơ hội tiếp nhận “*Những phương pháp xã hội học trong việc nghiên cứu cơ cấu xã hội của xã hội xã hội chủ nghĩa*” qua bài viết cùng tên của nhà triết học tên là Filippov của Viện nghiên cứu XHH Liên Xô. Về mặt lý luận, lần đầu tiên khái niệm CCXH được xem xét trên ba cấp độ ý nghĩa: Rộng tối đa” của toàn thể xã hội, “hẹp hơn” của tổng thể các nhóm xã hội và “chặt chẽ nhất” là cơ cấu giai cấp-xã hội²⁰. Về mặt phương pháp luận, quan niệm của XHH Liên Xô về CCXH đòi hỏi người nghiên cứu phải tuân theo nguyên tắc “đi từ phân tích thành phần xã hội của cư dân đến phân tích các quan hệ xã hội”²¹ và phải “chuyển những khái niệm lý luận chung thành những chỉ báo thực nghiệm”²² để có thể điều tra những mặt cụ thể, chi tiết của mỗi giai cấp, mỗi nhóm xã hội và mối quan hệ xã hội của CCXH.

Cùng với 2 bài “du nhập” quan niệm CCXH của Bungari và Liên Xô, Tạp chí còn đăng 2 bài khác giới thiệu kết quả nghiên cứu về CCXH của giai cấp công nhân Việt Nam trước năm 1975 và CCXH ở nông thôn miền núi. Tuy không trích dẫn cơ sở lý luận, nhưng cả hai bài này đều thể hiện cách tiếp cận CCXH vì mô khi phân tích cơ cấu xuất thân, ngành nghề, tuổi, giới tính của hai thành phần xã hội rất khác nhau về không gian và thời gian: công nhân trước

¹⁹ Đặng Cảnh Khanh (1989), *Vấn đề nghiên cứu cơ cấu xã hội ở Bungari và ý nghĩa thực tế của nó*. Tạp chí *Xã hội học*. Số 1+2, tr. 56-57.

²⁰ F.R. Filippov (1987), *Những phương pháp xã hội học trong việc nghiên cứu cơ cấu xã hội của xã hội xã hội chủ nghĩa*. Tạp chí *Xã hội học*. Số 3+4, tr. 79.

²¹ F.R. Filippov (1987), *Những phương pháp xã hội học trong việc nghiên cứu cơ cấu xã hội của xã hội xã hội chủ nghĩa*. Tạp chí *Xã hội học*. Số 3+4, tr. 80. Lưu ý tới một định nghĩa năm 1986 của tác giả Việt Nam về CCXH trong đó chỉ nói đến các thành phần mà không nói đến quan hệ xã hội.

²² F.R. Filippov (1987), *Những phương pháp xã hội học trong việc nghiên cứu cơ cấu xã hội của xã hội xã hội chủ nghĩa*. Tạp chí *Xã hội học*, Số 3+4, tr. 81.

khi thống nhất đất nước (1975) và cư dân mà phần đông là nông dân ở miền núi trong những năm trước Đổi mới (1986). Ví dụ, nghiên cứu CCXH của nông dân các dân tộc của một huyện miền núi phía Bắc lúc bấy giờ cho biết²³: gần 89% là lao động giản đơn, số còn lại hơn 10% lao động có trình độ chuyên môn, nhưng cũng ở mức độ thấp; về học vấn: có hơn 16% không biết chữ, gần 16% biết đọc, biết viết, hơn 36% cấp I (hiện nay gọi là tiểu học), gần 30% cấp II (THCS), gần 4% cấp III (THPT); hơn 80% hộ gia đình ở nông thôn không có một cuốn sách nào và số còn lại khoảng 20% có từ 1 đến 5 cuốn sách.

Qua phân tích nội dung bốn bài viết năm 1987 có thể phát hiện thấy hai xu hướng quan niệm về CCXHH: một là, hướng lý luận giới thiệu mô hình lý thuyết, phương pháp luận nghiên cứu CCXH của nước ngoài và hai là, hướng phân tích kết quả điều tra, khảo sát về CCXH ở cấp độ vi mô ở Việt Nam.

Theo hướng thực nghiệm, năm 1988, Viện Xã hội học đã tiến hành 5 cuộc khảo sát, nhằm bước đầu tìm hiểu thực trạng và sự biến đổi CCXH nông thôn, chủ yếu là cơ cấu giai cấp, nghề nghiệp, nhân khẩu²⁴, nhưng Tạp chí chỉ đăng được hai bài về chủ đề này. Dưới tác động của hơn 25 năm hợp tác hoá ở miền Bắc và hơn 10 năm cải tạo XHCN ở miền Nam, CCXH nông thôn Việt Nam bị biến đổi mạnh mẽ và hình thành bốn tập đoàn: *một là*, tỉ lệ lớn những nông dân tập thể, *hai là*, những người làm tiểu thủ công nghiệp, *ba là*, những người làm quản lý hành chính, kỹ thuật, giáo viên, bác sỹ, thương nghiệp, dịch vụ; *bốn là*, những người “còn làm ăn cá thể ở nông thôn”²⁵. Khảo sát một vùng nông thôn miền Bắc cũng phát hiện thấy²⁶: về ngành nghề, CCXH nông thôn chủ yếu xoay quanh đội ngũ đông đảo nhất, cơ bản nhất là nông dân và đội ngũ này có CCXH riêng của nó gồm ba nhóm hộ nông dân là: nhóm làm nông nghiệp thuần túy, nhóm làm nông nghiệp với tiểu thủ công nghiệp và nhóm làm nông nghiệp với dịch vụ; về mức thu nhập, CCXH nông thôn gồm ba nhóm: những hộ thiếu ăn, đủ ăn và thừa ăn; về tính chất sản xuất hàng hoá, CCXH nông thôn gồm những vùng đã phát triển mạnh kinh tế hàng hoá và những vùng mới phát triển và chưa phát triển kinh tế hàng hoá. Rõ ràng là quan niệm như vậy đã phản ánh được những biến đổi CCXH nông thôn trước kia và vào thời kỳ bắt đầu Đổi mới.

Năm 1989 chỉ có 1 bài của tác giả nước ngoài giới thiệu phương pháp luận nghiên cứu và 4 bài của tác giả Việt Nam phân tích kết quả khảo sát về CCXH ở cấp độ vi mô, trong đó 2 bài về nông thôn, 1 bài về công nhân, 1 bài về trí

²³ Nguyễn Văn Huy (1987), *Một số suy nghĩ về cơ cấu xã hội và việc hình thành lối sống mới ở nông thôn miền núi*. Tạp chí Xã hội học. Số 1+2, tr. 23, 24. Xem thêm Nguyễn Xuân Mai. *Góp phần nghiên cứu cơ cấu xã hội giai cấp công nhân Việt Nam trước năm 1975*. Tạp chí Xã hội học. Số 1+2, tr. 6-10.

²⁴ Trương Lai (1989), *Những vấn đề của cơ cấu xã hội và chính sách xã hội ở nông thôn Bắc Bộ*. Tạp chí Xã hội học. Số 1, tr. 12.

²⁵ Hồng Cảnh (1988), *Cách mạng xã hội chủ nghĩa và sự biến đổi cơ cấu xã hội nông thôn Việt Nam*. Tạp chí Xã hội học. Số 1+2, tr. 26.

²⁶ Đặng Cảnh Khanh (1988) *Những suy nghĩ bước đầu qua việc khảo sát thực trạng cơ cấu xã hội một vùng nông thôn*. Tạp chí Xã hội học. Số 3+4, tr. 59.

thức. Không còn phê phán XHH tư sản như trước, quan niệm về CCXH trong thời gian này chuyển sang phê phán “những định đề có sẵn rút ra từ sách, những công thức đã được học thuộc lòng...cô “đeo chân cho vừa giày”, gán ghép và tân trang cho đời sống hiện thực...”²⁷ mà không tìm hiểu những đặc điểm sống động, nóng bỏng của cuộc sống. Do vậy, ở nông thôn, CCXH được xem xét trong quá trình chuyển sang sản xuất hàng hoá, với trọng tâm không còn nặng về cơ cấu giai cấp, mà là cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư và CCXH về lợi ích và “những cơ hội để thăng tiến”, chính những cơ cấu này làm biến đổi kiểu CCXH bình quân chủ nghĩa, chia đều sự nghèo khổ, “dàn hàng ngang”, cản trở sự phát triển sang kiểu CCXH hình thoi với “những bộ phận tinh hoa được sàng lọc trong quá trình vận động thực tiễn để họ có điều kiện phát huy sức mạnh, lôi kéo cả đội hình đi tới”²⁸. Khảo sát CCXH ở nông thôn tập trung vào phân tích những chỉ báo chi tiết, sống động như quy mô hộ gia đình, số thế hệ, nguồn gốc và quy mô đất canh tác, công cụ lao động, nguồn thu nhập của hộ gia đình nông dân²⁹. Liên quan đến vấn đề chính sách xã hội, cần ghi nhận đóng góp của XHH về nông thôn trong thời gian này ở quan niệm về “nhóm tinh hoa” mà sau này được một số nhà XHH Việt Nam gọi là “nhóm vượt trội”, “nhóm ưu trội” trong CCXH đặc trưng cho thời kỳ Đổi mới.

Có thể nói, năm 1989 đánh dấu một bước phát triển quan trọng của tư duy phê phán về CCXH giai cấp theo tinh thần đổi mới tư duy về phát triển kinh tế nhiều thành phần. Điều này thể hiện rõ ở việc phê phán “những nhận thức giản đơn về CNXH và quan điểm duy ý chí về một GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA”³⁰. Trên thực tế, trái với nhận thức máy móc trước đây (1986), về xu hướng đồng nhất của cơ cấu giai cấp, cơ cấu giai cấp công nhân Việt Nam, được nhận định vào năm 1989 là ngày càng đa dạng và biến đổi theo hướng không thuần nhất trong nội bộ giai cấp. Ví dụ, căn cứ vào 5 thành phần kinh tế và sở hữu thì cơ cấu giai cấp công nhân Việt Nam bao gồm các công nhân trong xí nghiệp: quốc doanh, tập thể, công tư hợp doanh, tư nhân và nước ngoài. Sự phân hoá và không đồng đều trong nội bộ giai cấp công nhân còn thể hiện ở trình độ học vấn, chuyên môn tay nghề và chính trị: ví dụ lúc bấy giờ đa số công nhân thuộc bậc nghề thấp, bình quân bậc thợ là 3,3/7, chỉ có gần 2% là thợ bậc 7; năm 1988 chỉ có 7,7% công nhân là đảng viên³¹. CCXH của tầng lớp trí thức lúc bấy giờ cũng được đánh giá là “mỏng,

²⁷ Trương Lai (1989), *Những vấn đề của cơ cấu xã hội và chính sách xã hội ở nông thôn Bắc Bộ*. Tạp chí *Xã hội học*. Số 1, tr. 14.

²⁸ Trương Lai (1989) *Những vấn đề của cơ cấu xã hội và chính sách xã hội ở nông thôn Bắc Bộ*. Tạp chí *Xã hội học*. Số 1, tr. 15.

²⁹ Đỗ Thái Đồng (1989), *Những vấn đề cơ cấu xã hội và sự phát triển ở một xã nông thôn Nam Bộ*. Tạp chí *Xã hội học*. Số 1, tr. 48-59.

³⁰ Đỗ Nguyên Phương (1989), *Thực trạng cơ cấu xã hội giai cấp công nhân Việt Nam và những xu hướng phát triển*. Tạp chí *Xã hội học*. Số 1, tr. 3-10.

³¹ Đỗ Nguyên Phương (1989), *Thực trạng cơ cấu xã hội giai cấp công nhân Việt Nam và những xu hướng phát triển*. Tạp chí *Xã hội học*. Số 1, tr. 6.

thiếu về số lượng, yếu về chất lượng và thiếu đồng bộ về cơ cấu ngành nghề”³². Ví dụ, năm 1986 trong tổng số cán bộ khoa học và kỹ thuật có hơn 400 nghìn người có trình độ đại học và hơn 5 nghìn tiến sỹ, phó tiến sỹ. Trong số cán bộ trên đại học, 33% cán bộ thuộc khoa học tự nhiên, 34% khoa học kỹ thuật, 21% khoa học xã hội, 6,3% khoa học nông nghiệp và số còn lại thuộc lĩnh vực khác trong đó có y-dược³³.

Cuối năm 1989, lần đầu tiên qua Tạp chí, các bạn đọc Việt Nam được tiếp cận một số quan niệm XHH ở những nước TBCN trong bài viết của S.N. Eisenstadt. Lý thuyết của Parsons về vai trò của khuôn mẫu hành vi văn hoá, thuyết của Giddens về việc thay khái niệm “cơ cấu” bằng khái niệm “cấu trúc hoá”, thuyết cấu trúc luận của Levi-Strauss, thuyết tương tác biểu trưng của Blumer, phương pháp luận dân tộc học của Cicourel và Garfinkel, thuyết của Goffman về đóng vai, thuyết của Simmel, Merton, Blau, Boudon và một số cách tiếp cận khác đã bị Eisenstadt phê phán không phải vì xem nhẹ CCXH giai cấp, mà vì sự tách rời giữa phân tích văn hoá và cơ cấu xã hội. Những đề xuất của Eisenstadt về việc kết hợp hai loại phân tích này, đòi hỏi phải xem xét CCXH trên các cấp độ từ vi mô đến vĩ mô, ví dụ từ những “cấu trúc sâu kín” trong đầu óc con người, đến “những bản đồ ngữ nghĩa” của truyền thống, đóng vai trò tiền đề cho sự hình thành và tái tạo xã hội và những thiết chế phân phối và kiểm soát các nguồn lực trong xã hội³⁴. Cần đánh giá cao việc giới thiệu trên Tạp chí quan niệm này của XHH phương Tây về việc kết hợp phân tích CCXH với văn hoá, bởi vì như ta thấy, các nhà XHH Việt Nam bắt đầu quan tâm nhiều hơn đến các chiều cạnh văn hoá và xã hội của CCXH.

Bốn bài trên Tạp chí số 4 năm 1990, đều phân tích các kết quả điều tra về sự chuyển đổi CCXH và định hướng giá trị ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ và phát hiện được một số điều quan trọng sau đây: *Một là*, trong cái gọi là “mô hình tiến hoá tự nhiên” của nông thôn theo hướng sản xuất hàng hoá, sự biến đổi cơ cấu kinh tế dưới tác động của đổi mới cơ chế quản lý, đã kéo theo sự biến đổi CCXH theo ngành nghề và lĩnh vực hoạt động, đồng thời là sự phân hoá xã hội về mặt thu nhập, tạo thành nhóm hộ giàu chiếm khoảng 10%, hộ trung bình khoảng 80% và hộ nghèo khoảng 10%³⁵. *Hai là*, “CCXH nông thôn kiểu cũ” đặc trưng cho thời kỳ kinh tế tập thể đã biến đổi dần sang “CCXH nông thôn kiểu mới” đặc trưng cho thời kỳ kinh tế

³² Nguyễn Duy Quý (1989), *Về quá trình vận động và biến đổi cơ cấu xã hội tầng lớp trí thức Việt Nam*. Tạp chí *Xã hội học*. Số 3, tr. 13.

³³ Nguyễn Duy Quý (1989), *Về quá trình vận động và biến đổi cơ cấu xã hội tầng lớp trí thức Việt Nam*. Tạp chí *Xã hội học*. Số 3, tr. 12, 13.

³⁴ S.N.Eisenstadt (1989), *Sự kết hợp giữa phân tích văn hoá và phân tích cơ cấu xã hội*. Tạp chí *Xã hội học*. Số 4, tr. 81,84.

³⁵ Vũ Tuấn Anh (1990), *Về sự chuyển biến cơ cấu xã hội và định hướng giá trị ở nông thôn trong quá trình đổi mới kinh tế*. Tạp chí *Xã hội học*. Số 4, tr. 9, 11. Xem thêm Đỗ Minh Cường (1990), *Đổi mới kinh tế - những chuyển đổi về cơ cấu xã hội và định hướng giá trị ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ*. Tạp chí *Xã hội học*. Số 4, tr. 47-50.

nhiều thành phần. *Ba là*, CCXH nông thôn được phân tích ở cấp hộ gia đình và cấp làng, xã và ở cấp độ nào thì CCXH cũng phân hoá thành ba nhóm: (1) nhóm vượt trội, chủ động, giàu có; (2) nhóm trung bình đủ ăn và (3) nhóm yếu kém, thụ động, nghèo khổ, thiếu ăn. Tháp phân tầng ba nhóm này có thể biến thành tháp hai cực, tức là “tháp phân tầng xã hội vượt trội - yếu kém, giàu có – nghèo khổ”³⁶ mà ở cấp hộ gia đình thì sự phân hoá xã hội và phân tầng xã hội chủ yếu do năng lực tự chủ sản xuất-kinh doanh hàng hoá và ở cấp làng xã thì chủ yếu do năng lực liên doanh liên kết trong và ngoài làng xã. *Bốn là*, theo ngành nghề, CCXH nông thôn gồm ba nhóm: hộ thuần nông nghiệp, hộ nông nghiệp hỗn hợp và hộ phi nông nghiệp, mà mỗi một nhóm hộ này lại tiếp tục bị phân hoá thành nhiều nhóm khác, ví dụ hộ nông nghiệp hỗn hợp với tiểu thủ công nghiệp, với dịch vụ buôn bán, với tiểu thủ công nghiệp, và bị phân tầng thành hộ vượt trội và hộ yếu kém.

Như để khái quát hoá những vấn đề lý luận và phương pháp luận của 10 năm điều tra XHH về cơ cấu xã hội, *Tạp chí* cho đăng bài cuối cùng trong năm 1990, tập trung vào khái niệm “CCXH”. Trong bài này³⁷, có lẽ lần đầu tiên “CCXH” được thừa nhận là khái niệm du nhập của nước ngoài vào Việt Nam, được ghi chú theo nguyên gốc tiếng Anh là “Structure” và được trích dịch theo Từ điển bách khoa Liên Xô, 1982. Nhưng không thấy một định nghĩa nào được nêu rõ ràng về khái niệm CCXH, mà nội hàm khái niệm CCXH được diễn giải theo quan niệm XHH của một số tác giả nổi tiếng như Durkheim, Simmel, Dumont, Firth, ví dụ “CCXH là tổ chức xã hội”, là hình thái xã hội. Từ đây xuất hiện vấn đề là: một mặt, cần tiến hành những nghiên cứu cụ thể để làm rõ nhóm yếu tố cơ cấu như vai trò, địa vị, quyền lực, uy tín³⁸, và mặt khác, cần kết hợp với phân tích nhóm yếu tố văn hoá như giá trị, chân lý, mục tiêu, chuẩn mực, nhờ đó mới hiểu được một tổ chức xã hội³⁹. Trong các yếu tố cơ cấu có yếu tố “màng lưới các quan hệ xã hội”. Về phương pháp, CCXH trên cấp độ vĩ mô, trên diện rộng của tỉnh, huyện, xã có thể nghiên cứu dựa vào thông kê để nắm chắc cơ cấu thu nhập, nghề nghiệp, tuổi, giới tính, dân cư, nhưng trên cấp độ vi mô, nghiên cứu cụ thể phải dựa vào tri thức xã hội học và do nhà XHH thực hiện để làm sáng tỏ những yếu tố cơ cấu. Những điều này được nêu ra vào cuối năm 1990, nhưng vẫn gọi ta nhớ đến quan niệm của Eisenstadt về sự kết hợp, nhưng không nhầm lẫn phân tích văn hoá với phân tích CCXH nêu trên *Tạp chí* cuối năm 1989.

³⁶ Tô Duy Hợp (1990), *Về thực trạng và xu hướng chuyển đổi cơ cấu xã hội nông thôn đồng bằng Bắc Bộ hiện nay*. *Tạp chí Xã hội học*. Số 4, tr. 18.

³⁷ Ngô Thành (1990), *Suy nghĩ về khái niệm “cơ cấu xã hội” trong nghiên cứu xã hội học*, *Tạp chí Xã hội học*. Số 4, tr. 54-57.

³⁸ Yêu cầu này về sau được triển khai trong bài phân tích kết quả nghiên cứu giai cấp công nhân Việt Nam đăng trên *Tạp chí XHH* số 1 năm 1992.

³⁹ Ngô Thành (1990), *Suy nghĩ về khái niệm “cơ cấu xã hội” trong nghiên cứu xã hội học*, *Tạp chí Xã hội học*. Số 4, tr. 56.

3. Từ cơ cấu xã hội nghề nghiệp sang cơ cấu xã hội phân tầng giai đoạn 1991-1995

Một số đề xuất ở giai đoạn trước có lẽ đã được cụ thể hoá trong các bài đăng trong giai đoạn này⁴⁰. Ví dụ, lần đầu tiên trên *Tạp chí* xuất hiện khái niệm “cơ cấu xã hội-văn hoá” như là kết quả của việc kết hợp phân tích CCXH với văn hoá⁴¹ và sự khắc phục “chủ nghĩa giáo điều” trong việc nhận diện và phát huy những yếu tố đa dạng, phong phú của các tầng lớp xã hội như các nhà kinh doanh, tiểu chủ, trí thức và những nguồn gốc văn hoá truyền thống cùng những biểu hiện mới của giao lưu văn hoá Bắc Nam, Đông Tây⁴². Dưới tác động của đổi mới cơ chế quản lý, từ khoán sản đến khoán hộ⁴³, CCXH nông thôn đã phân hoá thành các nhóm xã hội khác nhau về nghề nghiệp, tư liệu sản xuất và mức độ tham gia vào phân công lao động xã hội kể cả quản lý, dẫn đến phân hoá về mức sống, thu nhập và năng lực phát triển⁴⁴. Trên cả ba cấp độ từ hộ gia đình đến dòng họ và làng, xã đều phát hiện thấy CCXH nông thôn trước đây đặc trưng bởi “giai cấp nông dân tập thể kiểu bình quân cộng đồng”⁴⁵ đã bị phân hoá thành các nhóm giàu, khá giả, trung bình, nghèo và rất nghèo do phân hoá về các yếu tố sản xuất, ví dụ về lao động-nghề nghiệp, những hộ giàu thường là hộ chuyên ngành nghề và hộ nghèo thường là hộ thuần nông⁴⁶.

Biến đổi CCXH nông thôn thể hiện rõ ở sự chuyển đổi mô hình hợp tác xã công-nông-thương-tín, đặc trưng cho thời kỳ kinh tế tập thể trước năm 1986 sang CCXH lao động-nghề nghiệp, theo xu hướng giảm dần tỉ lệ hộ thuần nông và tăng dần tỉ lệ hộ đa nghề nghiệp và hộ phi nông nghiệp, nhất là ở những nơi diễn ra quá trình “phi lao động nông nghiệp” và đô thị hoá⁴⁷.

⁴⁰ Ở đây chủ yếu căn cứ vào thời điểm xuất hiện bài viết trên Tạp chí XHH và chấp nhận độ trễ: tức là bài viết thường giới thiệu kết quả của nghiên cứu trước đó. Điều này là bình thường bởi vì các bài viết đều phải sử dụng những dữ liệu và kết quả điều tra, khảo sát đã có từ trước đó. Ví dụ, đề tài “Những vấn đề về sự vận động và chuyển đổi cơ cấu xã hội ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ với việc chuyển sang nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo hướng xã hội chủ nghĩa” được nghiệm thu cuối năm 1990, nhưng kết quả của nó được tiếp tục phân tích và giới thiệu trên Tạp chí sau đó, ví dụ vào quý I năm 1991.

⁴¹ Trương Lai, tr. 51-52.

⁴² Đỗ Thái Đồng (1991), *Cơ cấu xã hội – văn hoá ở Miền Nam: nhìn theo mục tiêu phát triển của cả nước*. Tạp chí *Xã hội học*. Số 1.

⁴³ Khoán sản là nói đến Chỉ thị 100 của Ban Bí thư (ngày 13/1/1981) “Cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp” và khoán hộ là nói đến Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (tháng 4/1988) về cải tiến chế độ khoán trong sản xuất nông nghiệp.

⁴⁴ Trương Lai (1991), *Sự chuyển đổi cơ cấu xã hội ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ trong điều kiện kinh tế mới*. Tạp chí *Xã hội học*. Số 1, tr. 22-40.

⁴⁵ Phạm Như Cương (1991), *Sự chuyển đổi cơ cấu xã hội ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ trong điều kiện kinh tế mới*. Tạp chí *Xã hội học*. Số 1, tr. 54.

⁴⁶ Tô Duy Hợp (1992), *Định hướng tiến bộ của sự chuyển đổi cơ cấu xã hội lao động - nghề nghiệp ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ ngày nay*. Tạp chí *Xã hội học*. Số 1, tr. 24-29.

⁴⁷ Phan Quốc Thắng (1992), *Chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp và quá trình đô thị hoá ở 3 xã ngoại thành Hà Nội*. Tạp chí *Xã hội học*. Số 1, tr. 57-60.

Một nghiên cứu cụ thể về CCXH giai cấp công nhân Việt Nam năm 1992 cho biết, những biến đổi về số lượng và chất lượng, về mặt tĩnh và mặt động của các yếu tố cơ cấu như ngành nghề, trình độ học vấn, di động xã hội. Ví dụ: về di động giữa các thế hệ, chỉ có khoảng 10% gia đình có ba đời công nhân, trong khi đó chỉ hơn 15% công nhân muốn con trai theo nghề của mình, gần 15% công nhân muốn con trai theo nghề khác và gần 60% muốn con trai trở thành trí thức⁴⁸.

Đến cuối năm 1992, với nhận định rằng CCXH vẫn còn là một khái niệm đang được tranh cãi ở Việt Nam, do vậy *Tạp chí* đã đăng một bài về khái niệm này. Từ góc độ XHH, mà cụ thể là trên cơ sở chất lọc hạt nhân hợp lý của quan niệm XHH ở Liên Xô nêu ra năm 1983 và quan niệm XHH ở Mỹ nêu năm 1987, một định nghĩa về CCXH đã được tác giả Việt Nam nêu ra như sau: “Cơ cấu xã hội là kết cấu và hình thức tổ chức bên trong của một hệ thống xã hội nhất định. Biểu hiện như là sự thống nhất tương đối bền vững của những nhân tố, những mối liên hệ, những thành phần cơ bản nhất của hệ thống xã hội đó... Những thành phần cơ bản nhất của cơ cấu xã hội là vị thế, vai trò, nhóm và các thiết chế”⁴⁹. Quan niệm này đánh dấu một bước phát triển trong khái niệm XHH ở Việt Nam: lần đầu tiên nguồn gốc lý luận của một quan niệm được nêu rõ là sự kế thừa một cách hợp lý cả hai lý thuyết, chứ không phải là sự phủ nhận hay phê phán gay gắt một lý thuyết này và tán dương, tuyệt đối hoá lý thuyết khác. Lần đầu tiên một quan niệm XHH được phân biệt rõ là khác với cách tiếp cận của chủ nghĩa duy vật lịch sử, chủ nghĩa xã hội khoa học và triết học về CCXH. Lần đầu tiên, qua bài viết này, “CCXH phân tầng” được đặt thành nhiệm vụ hàng đầu của nghiên cứu XHH về CCXH trên cơ sở của thuyết xung đột, thuyết chức năng và thuyết duy hoà. Lần đầu tiên có một định nghĩa về CCXH nói đến cả mặt tĩnh, gồm các thành phần xã hội và mặt động gồm các mối liên hệ, quan hệ xã hội tạo thành chỉnh thể hệ thống xã hội.

Tuy nhiên, khái niệm nêu trên cần được kiểm nghiệm, bởi các bằng chứng từ nghiên cứu thực nghiệm, mà những bằng chứng đó có thể tìm thấy được phần nào trong một bài viết lần đầu tiên sử dụng khái niệm “phân tầng xã hội” trong tên gọi của nó⁵⁰. Đó là bài về cơ cấu phân tầng xã hội⁵¹ trình bày kết quả của một cuộc điều tra 700 nông hộ ở một vùng nông thôn Nam Bộ năm 1992, trong đó phát hiện được CCXH phân tầng bao gồm 7,3% hộ khá giả, 74,1% hộ trung bình và 18,6% hộ nghèo khổ; xét kỹ vùng này có đến gần 63% tổng số hộ thu nhập dưới mức bình quân, trong đó, tỉ lệ nghèo tuyệt đối gần 19%. Trái với

⁴⁸ Trích theo Nguyễn Hữu Minh (1992), *Nghiên cứu giai cấp công nhân Việt Nam từ hướng tiếp cận cơ cấu xã hội - Một số vấn đề đáng quan tâm*. *Tạp chí Xã hội học*. Số 1, tr. 15-16, 22-23.

⁴⁹ Nguyễn Đình Tấn (1992), *Phân tích cơ cấu xã hội từ góc độ xã hội học*. *Tạp chí Xã hội học*. Số 4, tr. 70.

⁵⁰ Mặc dù trước đó đã có cuộc điều tra về CCXH ở nông thôn phát hiện ra tháp phân tầng các hộ gia đình vượt trội-yếu kém và giàu-nghèo.

⁵¹ Nguyễn Công Bình (1993), *Cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội và chính sách xã hội ở nông thôn Nam Bộ*. *Tạp chí Xã hội học*. Số 3, tr. 36. Theo đánh giá của Ngân hàng thế giới, năm 1993 Việt Nam có tới gần 60% hộ gia đình sống dưới mức nghèo khổ.

quan niệm cũ thường đổ lỗi cho mặt trái của cơ chế thị trường khi giải thích sự phân hoá giàu nghèo, quan niệm mới về CCXH phân tầng chỉ ra nguyên nhân chủ yếu là do nền kinh tế hàng hoá chưa phát triển cao trong nông nghiệp. Quan niệm này gợi ra hướng điều tiết CCXH bằng những chính sách không phải lấy của người giàu chia cho người nghèo như trước kia cũng không phải bằng chính sách một chiều vì người nghèo, mà là những chính sách mới có khả năng khuyến khích người dân làm giàu, đồng thời tạo điều kiện cho người nghèo tăng thu nhập.

CCXH nông thôn lần đầu tiên xuất hiện trong tên một bài viết vào năm 1987, nhưng phải mất 6 năm sau mới được khái quát thành những vấn đề lý luận từ góc độ lý thuyết hệ thống. Năm 1993, CCXH nông thôn được định nghĩa là “hệ thống các quan hệ xã hội và hoạt động xã hội ở địa bàn nông thôn” và được xem xét trong bộ khung gồm ba phạm trù (1) xã hội truyền thống, (2) xã hội quá độ kiểu mới và (3) xã hội hiện đại hoá kiểu mới⁵². Xu hướng biến đổi CCXH nông thôn từ xã hội truyền thống sang xã hội kiểu mới được phát hiện là phức tạp và phụ thuộc chủ yếu vào yếu tố kinh tế như mức độ phi nông hoá, thị trường hoá và yếu tố chính trị, văn hoá như quyền tự chủ sản xuất-kinh doanh những gì mà Nhà nước không cấm.

Cả năm 1994, Tạp chí đăng được hơn 55 bài, trong đó chỉ có 1 bài sử dụng duy nhất một lần khái niệm “CCXH” ở đầu đề. Nhưng về mặt phương pháp luận, đây là lần đầu tiên CCXH được xem xét như là “kiểu xã hội” với những biến xã hội ảnh hưởng tới mức sinh⁵³. Ví dụ, tuổi kết hôn sớm, tỉ lệ kết hôn cao và ít sử dụng các biện pháp tránh thai trong kiểu xã hội tiền công nghiệp, chậm phát triển là những biến làm cho mức sinh của xã hội này cao hơn mức sinh ở kiểu xã hội công nghiệp phát triển, nơi phổ biến tình trạng kết hôn muộn và sử dụng rộng rãi các biện pháp tránh thai.

Quan niệm hệ thống về sự biến đổi CCXH nông thôn từ kiểu cũ sang kiểu mới nêu ra năm 1993, đến năm 1995 mới được cụ thể hoá ở sự đổi mới CCXH lao động-nghề nghiệp và tác động của nó đến CCXH phân tầng về mức sống. Ví dụ, xã hội nông thôn kiểu cũ đặc trưng bởi cơ chế kế hoạch hoá tập trung, bao cấp, phi thị trường chuyển dần sang xã hội kiểu mới đặc trưng bởi phi tập trung hoá theo cơ chế thị trường và tự quản của địa phương và cộng đồng. Trong quá trình này, CCXH lao động-nghề nghiệp biến đổi từ chỗ phụ thuộc nặng nề vào sự chuyên môn hoá của hợp tác xã sang quyền tự chủ sản xuất-kinh doanh của hộ gia đình và hình thành CCXH theo nghề nghiệp thuần nông, phi nông và hỗn hợp nông nghiệp với phi nông nghiệp. Các bằng chứng thực nghiệm không những cho thấy rõ xu hướng biến đổi CCXH lao động-nghề nghiệp diễn ra trên cả cấp độ hộ gia đình và làng, xã, mà còn phát hiện ra tác

⁵² Tô Duy Hợp (1993) *Thực trạng và xu hướng biến đổi cơ cấu xã hội nông thôn trong thời kỳ đổi mới hiện nay*. Tạp chí Xã hội học. Số 4, tr. 18-19.

⁵³ Kingsley Davis, Judith Plaki (Nguyễn Thị Hương dịch) (1994), *Cơ cấu xã hội và mức sinh: một dạng phân tích*. Tạp chí Xã hội học. Số 1, tr. 78-83.

động của nó đến sự phân hoá giàu nghèo và CCXH phân tầng ở nông thôn. Kết quả khảo sát lúc bấy giờ cho biết, ví dụ, ở xã phi nông (làng nghề) có mức thu nhập bình quân đầu người cao gấp hơn 8 lần so với làng, xã thuần nông nghiệp. Trong nhóm hộ phi nông, khoảng 8% hộ có mức sống giàu, trong khi ở nhóm hỗn hợp nghề nghiệp có 3,3% và nhóm hộ thuần nông chỉ có 0,5% hộ giàu. Nhưng trong nhóm hộ thuần nông có hơn 20% hộ nghèo đói, nhóm hộ hỗn hợp nghề có 7% và nhóm hộ phi nông không có hộ nào bị nghèo đói. Xu hướng biến đổi CCXH ở nông thôn như vậy sẽ được duy trì, thậm chí đẩy nhanh do chỉ có một tỉ lệ nhỏ cha mẹ định hướng cho con trai (6,4%) và con gái (10,8%) theo nghề nông, phần đông định hướng cho con cái làm nghề khác hoặc “tuỳ” con cái lựa chọn nghề nghiệp⁵⁴.

Sự biến đổi CCXH như vừa nêu diễn ra trên phạm vi cả nước, ví dụ, cuộc khảo sát ở khu vực nông thôn ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian này cho biết⁵⁵: CCXH giai cấp nông dân tập thể đã phân hoá thành CCXH nghề nghiệp gồm nhóm thuần nông chiếm hơn 70% tổng số hộ, nhóm hỗn hợp nông nghiệp chiếm khoảng 22% và nhóm phi nông chiếm khoảng 8%.

CCXH không chỉ là đối tượng nghiên cứu XHH, mà còn là phương pháp tiếp cận XHH được sử dụng để nghiên cứu các giai cấp xã hội và cả những hiện tượng dân số học như phân tích mức sinh (1994) và nhóm xã hội đặc thù là quân nhân vào năm 1995. Từ góc độ CCXH, nhóm quân nhân là một thành tố tạo nên CCXH của cả xã hội Việt Nam, đồng thời nhóm này có CCXH của nó. Ví dụ⁵⁶: một mặt, đội ngũ sĩ quan, xét về nguồn gốc xuất thân, có CCXH giai cấp với khoảng 75% sĩ quan xuất thân từ nông thôn, nhưng gần 60% sĩ quan lại có gia đình vợ con sống ở thành thị và điều này không thể không dẫn đến cơ cấu phân tầng theo mức sống và phân hoá giàu nghèo ngay trong đội ngũ sĩ quan. Mặt khác, cùng với quan hệ theo thứ bậc quân hàm nghiêm ngặt đặc trưng cho quân đội, các sĩ quan còn có quan hệ kiểu gia đình anh, em, chú, cháu, đồng hương, đồng môn làm phong phú và phức tạp các quan hệ xã hội giữa các cá nhân, nhóm, tổ chức trong CCXH quân nhân.

4. Cơ cấu xã hội lao động - nghề nghiệp giai đoạn 1996-2000: Củng cố và ngưng nghỉ

Mô hình CCXH lao động-ngề nghiệp được phát hiện và khảo sát ở nông thôn trong giai đoạn trước đường như đã bao quát đầy đủ các nội dung, đặc điểm, tính chất và cả xu hướng biến đổi của nó, cho nên cả hai bài về chủ đề này đăng trên Tạp chí năm 1996 chủ yếu đóng vai trò cung cấp thêm các bằng chứng, chứ không làm sáng tỏ các vấn đề mới. Tuy nhiên, nếu xem xét kỹ có thể phát hiện thấy hai điều cần ghi nhận: *một là*, sự định hướng mạnh mẽ sang nghề phi nông đối với con cái, mặc dù có bất bình đẳng giới, ví dụ, đối với con trai là 61,5% và

⁵⁴ Tô Duy Hợp (1995), *Tìm hiểu về sự thay đổi cơ cấu xã hội ở nông thôn trong thời kỳ đổi mới*. Tạp chí Xã hội học. Số 1, tr. 45-47, 49.

⁵⁵ Nguyễn Minh Hoà (1995), *Trao đổi về sự chuyển đổi cơ cấu xã hội*. Tạp chí Xã hội học. Số 1, tr. 60.

⁵⁶ Phạm Xuân Hào (1995), *Một số kết quả bước đầu của việc vận dụng phương pháp tiếp cận cơ cấu xã hội để phân tích nhóm sĩ quan quân đội*. Tạp chí Xã hội học. Số 1, tr. 68-70.

con gái là 39%, trong đó nghề kỹ sư, bác sỹ đối với con trai chiếm tỉ lệ cao nhất là 42,5% và nghề giáo viên đối với con gái chiếm cao nhất 26,5%. Thứ hai, yếu tố thúc đẩy biến đổi CCXH nghề nghiệp và CCXH phân tầng không chỉ là “phi nông hoá” nghề nghiệp, mà còn là “công nghiệp hoá” nghề nghiệp, vì vậy đòi hỏi phải có chiến lược phát triển vùng hợp lý đối với nông nghiệp và nông thôn⁵⁷.

Sau 4 năm, kể từ năm 1992 hầu như thiếu vắng nghiên cứu CCXH giai cấp công nhân, đến năm 1998 mới lại xuất hiện bài viết về chủ đề này trên *Tạp chí* và đó cũng là bài mới nhất cho đến nay (2009). Thực ra, ở Việt Nam CCXH giai cấp công nhân được nghiên cứu sớm nhất (1986) và trước CCXH giai cấp nông dân (1987), nhưng không được nghiên cứu nhiều bằng CCXH nông thôn (có 5 bài so với 15 bài về nông thôn). Theo truyền thống phân tích, CCXH giai cấp công nhân được xem xét ở cơ cấu tuổi, giới tính, học vấn, trình độ nghề nghiệp, trình độ chuyên môn, mức độ tham gia chính trị và một số đặc điểm, tính chất khác liên quan đến nghề nghiệp. Một số phát hiện đáng chú ý cần nêu ra ở đây là: đa số nguồn bổ sung cho đội ngũ công nhân làm việc tại doanh nghiệp là từ học sinh phổ thông và học sinh dạy nghề (trên 51%), tức là lực lượng trẻ và tỉ lệ nguồn từ nông dân là rất ít (gần 3,5%). Điều này chứng tỏ rằng, xu hướng biến đổi CCXH nghề nghiệp ở nông thôn và ở thành thị chủ yếu phụ thuộc vào sự lựa chọn nghề nghiệp của thế hệ trẻ, chứ không phải từ việc nông dân chuyển sang làm công nhân và ngược lại công nhân, viên chức hay người làm nghề phi nông chuyển sang làm nông dân. CCXH nghề nghiệp trở nên năng động hơn với gần một phần ba công nhân thay đổi 1-3 lần nghề nghiệp trong vòng 6 năm⁵⁸.

Như vậy, cả giai đoạn 5 năm (1996-2000), *Tạp chí* chỉ đăng được 3 bài về CCXH lao động – nghề nghiệp như để củng cố thêm cho những quan niệm về CCXH giai cấp nông dân và công nhân đã nêu rõ trong những giai đoạn trước. Có thể coi việc thiếu vắng các bài về CCXH trên *Tạp chí* trong 2 năm liền (1999 – 2000) như là quãng thời gian ngưng nghỉ, lắng đọng, tuy là quá dài, để phát triển khái niệm CCXH lên một bước mới trong giai đoạn tiếp theo.

5. Từ cơ cấu xã hội đến cấu trúc xã hội: đổi mới và nâng tầm nghiên cứu 2001-2009

Mãi đến cuối năm 2001 mới xuất hiện bài viết có tính chất tổng kết thực tiễn dù là sơ bộ về sự biến đổi CCXH-giai cấp ở Việt Nam trong thời kỳ chuyển sang kinh tế thị trường định hướng XHCN. Lần đầu tiên khái niệm CCXH được xem xét trên cơ sở vận dụng và phát triển sáng tạo ba hệ thống lý luận: (1) Học thuyết Mác về hình thái kinh tế - xã hội, (2) Lý thuyết của Weber về cơ cấu phân tầng xã hội dựa vào tài sản, quyền lực, vị thế xã hội và (3) Tư tưởng Hồ Chí Minh về những đặc thù của xã hội Việt Nam. Từ góc độ lý luận tổng hợp này, có thể thấy rõ xu hướng biến đổi của CCXH giai cấp “thuần nhất” với

⁵⁷ Đỗ Thiên Kính (1996), *Sự chuyển đổi cơ cấu lao động - nghề nghiệp và tác động của nó đến phân tầng mức sống ở một xã vùng đồng bằng sông Hồng*. Tạp chí Xã hội học. Số 4, tr. 29.

⁵⁸ Trương Xuân Trường (1998), *Một số vấn đề cơ cấu xã hội - nghề nghiệp của đội ngũ công nhân lao động Hải Phòng hiện nay*. Tạp chí Xã hội học. Số 3, tr. 90-97.

hai giai cấp (công nhân, nông dân) và một tầng lớp (trí thức) sang CCXH-giai cấp đa dạng, phức tạp. Tuy nhiên, cho đến năm 2001, CCXH-giai cấp và CCXH-nghe nghiệp của Việt Nam được phát hiện là đang định hình với những thành phần chủ yếu như sau⁵⁹: (1) Giai cấp công nhân biến đổi theo hướng thành phần công nhân nhà nước giảm và công nhân khu vực ngoài nhà nước tăng; (2) Giai cấp nông dân biến đổi theo hướng các hộ nông dân trở thành các đơn vị kinh tế tự chủ và đa dạng hoá nghề nghiệp; (3) Tầng lớp trí thức phát triển cả số lượng và trình độ chuyên môn mặc dù thiếu đồng bộ và cân đối ngành nghề; (4) Tầng lớp tiểu thương, tiểu chủ không còn là “đối tượng cải tạo XHCN”, mà được phục hồi và trở nên tích cực, năng động; (5) Tầng lớp chủ doanh nghiệp tư nhân bắt đầu phát triển mạnh từ khi có Luật Công ty và doanh nghiệp tư nhân (1990) và không thể không tính đến thành phần thứ 6 là một số nhóm xã hội làm giàu phi pháp đang cản trở công cuộc đổi mới của đất nước.

Mãi đến cuối năm 2003, trên Tạp chí mới xuất hiện cách đặt vấn đề áp dụng cách phân tích hai chiều⁶⁰: cơ cấu-chức năng và lịch đại để tìm hiểu về văn hoá gia đình. Theo chiều cơ cấu-chức năng, có lẽ lần đầu tiên gia đình được xem xét trong mối quan hệ cơ cấu của ba cực: cá nhân, gia đình và cộng đồng xã hội, để thấy ở đó gia đình như là xã hội thu nhỏ, đóng vai trò nền tảng cơ bản cho cả hệ cơ cấu đó. Theo chiều lịch đại, gia đình nói riêng và cả cơ cấu chức năng giữa cá nhân, gia đình và cộng đồng xã hội đều biến đổi dưới tác động của các điều kiện kinh tế-xã hội theo thời gian. Tuy nhiên, do cơ cấu-chức năng bền chặt của gia đình, nên sự biến đổi gia đình có thể diễn ra chậm hơn, thậm chí là ngưng trệ trong một thời gian nhất định so với những biến đổi trong xã hội. Do vậy, gia đình được coi là có chức năng rất quan trọng trong việc duy trì, giáo dục những giá trị văn hoá truyền thống, đồng thời tiếp biến những gì hiện đại và văn minh của thực tại. Về mặt thuật ngữ, lần đầu tiên thuật ngữ “cấu trúc xã hội” được sử dụng 5 lần thay cho thuật ngữ “CCXH”.

Từ tổng kết thực tiễn đến khái quát lý luận phải mất thêm 2 năm nữa: đến năm 2005 trên Tạp chí mới xuất hiện một số đóng góp về mặt lý thuyết về CCXH. Hai mươi năm sau, kể từ khi được đặt vấn đề vào năm 1986 đến năm 2005, CCXH vẫn là “một trong những nội dung nghiên cứu cơ bản của XHH”. Trong thời gian đó, về mặt lý luận đã có một bước tiến dài từ chỗ CCXH là khái niệm du nhập và chủ yếu được nghiên cứu từ góc độ của bộ môn chủ nghĩa duy vật lịch sử theo mô hình “cấu trúc phân đôi” gồm cơ sở hạ tầng, thượng tầng kiến trúc và mô hình “cơ cấu 2 giai 1 tầng” sang nghiên cứu XHH về khái niệm này. Đó là quá trình liên tục học tập, kế thừa từ một số các quan niệm XHH mác xít đến các quan niệm khác nhau trong lịch sử về CCXH để làm rõ thêm khái niệm này. Ví dụ, những thành phần cơ bản nhất của CCXH nêu trong định nghĩa năm 1992 là “vị thế, vai trò, nhóm và các thiết chế”, thì

⁵⁹ Phạm Xuân Nam (2001), *Mấy nét sơ bộ về sự biến đổi cơ cấu xã hội-giai cấp ở nước ta khi chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*. Tạp chí Xã hội học. Số 4, tr. 3-13.

⁶⁰ Đặng Cảnh Khanh (2003), *Văn hoá gia đình trong các chiều cạnh của cơ cấu xã hội*. Tạp chí Xã hội học. Số 4, tr. 29-37.

năm 2005 những thành phần của CCXH được làm rõ là “nhóm với vị thế, vai trò xã hội, mạng lưới xã hội và các thiết chế”⁶¹. Cách xác định thành phần của CCXH như vậy đã góp phần trả lời được hai câu hỏi cơ bản khi bàn về khái niệm này: một là, CCXH được tạo bởi những yếu tố gì? hai là, các yếu tố đó được sắp xếp, tổ chức với nhau như thế nào để tạo nên cấu trúc của hệ thống xã hội? Với câu hỏi thứ nhất, quan niệm vừa nêu không liệt kê mà xác định “nhóm” là thành phần cơ bản làm nền tảng, cơ sở vật chất cho các thành phần khác. Nhóm xã hội có thể được xem xét trên các cấp độ từ nhóm nhỏ đến nhóm lớn, tập đoàn lớn như giai cấp và cộng đồng xã hội. Với việc làm rõ vị trí và vai trò của thành phần “nhóm” quan niệm nêu trên được cho là đã khắc phục được cách xem xét cứng nhắc của Đô Bơ Ri-a-nốp về CCXH. Riêng về chi tiết này cũng cần phải ghi nhận như là một bước tiến lớn về lý luận: đó là lần đầu tiên vào năm 2005 đã xảy ra việc tiếp thu có phê phán quan niệm của Đô Bơ Ri-a-nốp, một nhà XHH mác xít về CCXH⁶². Quan niệm năm 2005 cũng trả lời rõ câu hỏi thứ hai khi thêm vào thành phần thứ năm là “mạng lưới xã hội” vào định nghĩa năm 1992, đồng thời nói rõ nguồn gốc lý luận của việc bổ sung này⁶³: đó là kế thừa quan niệm của W.E.Thompson và J.V Hickey. Với việc bổ sung thành phần “mạng lưới xã hội” được hiểu là hệ thống các quan hệ xã hội, quan niệm năm 2005 đã khắc phục được sự hạn chế của những định nghĩa trước kia coi CCXH chỉ gồm các thành tố, bộ phận mà bỏ qua yếu tố quan hệ xã hội⁶⁴.

Có thể phát hiện thấy một đóng góp nữa của quan niệm năm 2005 ở việc phân tích khái niệm “phân tầng xã hội” thành hai khái niệm là “phân tầng xã hội hợp thức và phân tầng xã hội không hợp thức”. Phân tầng xã hội (PTXH) là một cấu trúc bất bình đẳng mang tính cơ cấu của mọi xã hội, quan niệm này cho rằng về mặt lý luận không những cần phân biệt rõ PTXH hợp thức và PTXH không hợp thức, mà cần chỉ ra xu hướng đấu tranh và biến đổi CCXH từ PTXH không hợp thức đến PTXH hợp thức. Cách phân tích này phù hợp với đổi mới kinh tế-xã hội Việt Nam khi sự PTXH không hợp thức dựa vào những hành vi trái pháp luật biểu hiện của sự bất công, bất bình đẳng cần phải đấu tranh, đẩy lùi để củng cố và phát triển CCXH dựa trên sự PTXH hợp thức theo nguyên tắc làm theo năng lực, hưởng theo lao động, đồng thời khuyến khích làm giàu và tăng cường xoá đói, giảm nghèo.

Kết luận

Sơ đồ dưới đây có thể tóm tắt một phần những gì có thể rút ra được từ phân tích các bài viết có khái niệm này ở tên bài đăng trên Tạp chí *Xã hội học* từ

⁶¹ Nguyễn Đình Tấn (2005), *Cơ cấu xã hội và phân tầng xã hội - những đóng góp về mặt lý luận và ứng dụng thực tiễn*. Tạp chí *Xã hội học*. Số 3, tr. 26.

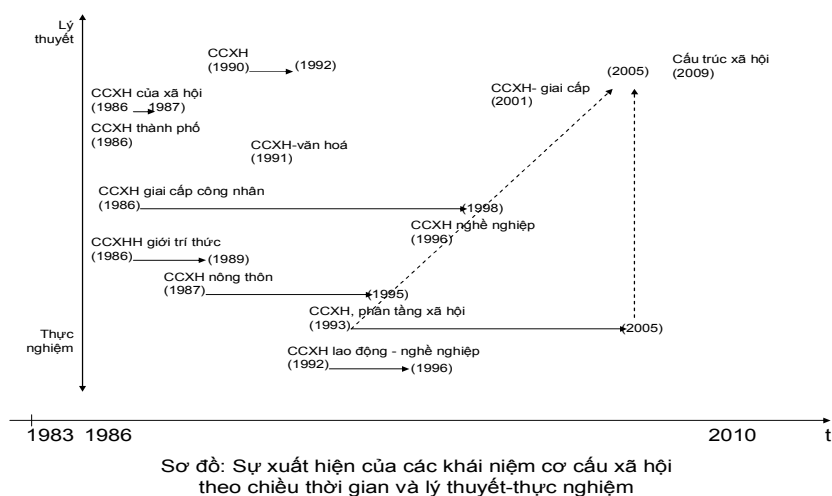
⁶² Nguyễn Đình Tấn (2005), *Cơ cấu xã hội và phân tầng xã hội - những đóng góp về mặt lý luận và ứng dụng thực tiễn*. Tạp chí *Xã hội học*. Số 3, tr. 29.

⁶³ Nguyễn Đình Tấn (2005), *Cơ cấu xã hội và phân tầng xã hội - những đóng góp về mặt lý luận và ứng dụng thực tiễn*. Tạp chí *Xã hội học*. Số 3, tr. 28.

⁶⁴ Xem một định nghĩa năm 1986 về CCXH đã nêu ở trên.

năm 1983 đến năm 2009. Căn cứ vào năm xuất hiện khái niệm “CCXH” trong tên bài trên Tạp chí, có thể thấy năm 1986 là năm đầu tiên những khái niệm “CCXH của xã hội”, “CCXH thành phố”, “CCXH giai cấp công nhân” và “CCXH giới trí thức” bắt đầu được chính thức nghiên cứu ở Việt Nam. Theo thời gian, những khái niệm này được tiếp tục phân tích rồi tạm dừng và những khái niệm mới xuất hiện. Ví dụ, khái niệm “CCXH giai cấp công nhân” được nghiên cứu từ năm 1986 đến tận năm 1998, nhưng khái niệm “CCXH giới trí thức” chỉ được nghiên cứu đến năm 1989 là thôi. Khái niệm “CCXH” mãi đến năm 1992 mới xuất hiện, với tư cách là một khái niệm khoa học có tính độc lập trong tên bài của Tạp chí. Khái niệm “CCXH-giai cấp” chỉ chính thức xuất hiện vào năm 2001, trong khi nội dung của nó đã được tìm hiểu trước đó 15 năm, tức là từ năm 1986. Phải mất gần 15 năm kể từ khi xuất hiện chính thức khái niệm “CCXH” vào năm 1990, phải mất gần 20 năm mới tìm thấy khái niệm “cấu trúc xã hội” trong tên một bài viết xuất hiện năm 2009.

Theo chiều lý thuyết-thực nghiệm và chiều thời gian trên sơ đồ thì các nghiên cứu thực nghiệm về CCXH với các thành phần của nó chủ yếu tập trung vào giai đoạn 10 năm đầu tiên (1986-1996). Nhìn chung, các khái niệm đều được khái quát từ nghiên cứu thực nghiệm thành những vấn đề có tính lý luận cao thấp khác nhau. Ví dụ, khái niệm CCXH-phân tầng xã hội được khái quát hoá thành những vấn đề lý thuyết từ nghiên cứu thực nghiệm năm 1993 đến năm 2005. Tuy nhiên, trong suốt thời gian hơn 25 năm qua nghiên cứu lý thuyết về CCXH không chỉ ít và chậm, mà còn không đều đặn, mặc dù luôn gắn với nghiên cứu thực nghiệm.



Điều cốt lõi mà sơ đồ này khó có thể nêu rõ, nhưng hoàn toàn có thể khái quát được từ những điều phân tích ở trên là: ngay sau khi được du nhập khái niệm vào Việt Nam, CCXH đã nhanh chóng trở thành đối tượng, nhiệm vụ của XHH và được điều tra, khảo sát ở nhiều địa phương trong cả nước, nhất là ở nông thôn. Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu thực nghiệm, khái niệm CCXH

đã được phân tích và khái quát hoá thành những vấn đề lý luận cơ bản của XHH, trong đó những chiều cạnh cấu trúc, văn hoá, quan hệ xã hội không ngừng được làm sáng tỏ. Khái niệm CCXH đã biến đổi thành khái niệm cấu trúc xã hội để phản ánh đầy đủ hơn, chính xác hơn sự biến đổi xã hội Việt Nam từ chỗ chủ yếu có hai giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức thành xã hội phức tạp và đa dạng, không chỉ về thành phần giai cấp, tầng lớp, nhóm xã hội, mà cả mối liên hệ, quan hệ của các thành phần đó.

Tài liệu tham khảo

1. Chung Á- Nguyễn Đình Tấn (1997), *Nghiên cứu xã hội học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Phạm Tất Dong- Lê Ngọc Hùng (1997), *Xã hội học*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
3. Guter Endruweit (1999), *Các lý thuyết xã hội học hiện đại*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
4. Guter Endruweit Gisela Troomsdorff (2002), *Từ điển xã hội học*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
5. Phạm Xuân Hào (2000), *Xã hội học quân sự*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
6. Nguyễn Sinh Huy (1997), *Xã hội học đại cương*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
7. Lê Ngọc Hùng (2004), *Xã hội học kinh tế*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
8. Joseph H.Fichter (1973), *Xã hội học*, Nxb. Hiện đại thư xã, Sài Gòn.
9. Leonard Broom và Philip Zelznick (1962), *Xã hội học giảng luận và dẫn chứng*, Nxb. Trung tâm nghiên cứu Việt Nam.
10. Phan Trọng Ngo (1997), *Xã hội học đại cương*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
11. Nguyễn Thế Phán (2002), *Giáo trình xã hội học*, Nxb. Lao động Xã hội, Hà Nội.
12. Stannilaw Kowalski (2003), *Xã hội học giáo dục và giáo dục học*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
13. Vũ Minh Tâm (2001), *Xã hội học*, Nxb. Giáo dục.
14. Nguyễn Đình Tấn (2004), *Giáo trình xã hội học trong quản lý*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
15. Nguyễn Đình Tấn (2005), *Xã hội học*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
16. Tập thể tác giả Liên Xô (1976), *Từ điển tóm tắt thuật ngữ xã hội học*, Nxb. Viện Thông tin khoa học xã hội.
17. Tony Bilton (1993), *Nhập môn xã hội học*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
18. Nguyễn Khắc Viện (1994), *Từ điển xã hội học*, Nxb. Thế giới.
19. Trần thị kim Xuyên (2002), *Nhập môn xã hội học*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
20. Macionis (2004), *Xã hội học*, Nxb. Thế giới.

